

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
 ※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

서 식 1

Mẫu 1

코로나19 예방접종 예진표

Phiếu chẩn đoán tiêm phòng COVID-19



- 코로나바이러스감염증-19(이하 코로나19) 예방접종 안내 및 예방접종 후에 발생 가능한 이상반응에 대한 정보를 충분히 제공받았으며, 의사의 예진결과에 따른 예방접종을 받겠습니다. ☐ 동의 ☐ 동의 안함
- Tôi đã được cung cấp đầy đủ thông tin về việc tiêm vắc-xin vì rút Corona 19 (COVID-19) và các phản ứng bất thường có thể xảy ra sau khi tiêm vắc-xin; tôi sẽ tiêm vắc-xin theo kết quả chẩn đoán sơ bộ của bác sĩ. ☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý
- 코로나19 예방접종을 받는데 동의하는 경우, 안전한 예방접종을 위하여 아래의 질문사항을 잘 읽어보시고 본인(법정대리인, 보호자) 확인란에 기록하여 주시기 바랍니다.
- Nếu đồng ý chủng ngừa Covid-19, vui lòng đọc kỹ các câu hỏi bên dưới và điền vào phần xác nhận của bản thân (người đại diện theo pháp luật, người giám hộ) để đảm bảo việc tiêm chủng an toàn.

성명 Họ tên	주민등록번호(외국인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài)		- - (☐ 남 ☐ 여) (☐ Nam ☐ Nữ)
전화번호 Số điện thoại	(집) (Nhà)	(휴대전화) (Số di động)	
예방접종 업무를 위한 개인정보 처리 등에 대한 동의사항 Nội dung đồng ý xử lý thông tin cá nhân cho mục đích chủng ngừa			본인(법정대리인, 보호자) 확인 ☒ Bản thân (người đại diện theo pháp luật người giám hộ) xác nhận ☒
「감염병의 예방 및 관리에 관한 법률」 제33조의4 및 동법 시행령 제32조의3에 따라 주민등록번호 등 개인정보 및 민감정보를 수집하고 있습니다. 추가적으로 수집되는 항목은 아래와 같습니다. Theo Điều 33-4 “Luật Phòng ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm” và Điều 32-3 Nghị định hướng dẫn Luật này, thông tin cá nhân như số chứng minh thư Hàn, v.v. và thông tin nhạy cảm sẽ được thu thập. Các hạng mục được thu thập bổ sung như sau. ▪ 개인정보 수집 · 이용 목적: 다음접종 및 완료 여부, 예방접종 후 이상반응 발생 여부 및 정보 관련 문자 등 ▪ Mục đích thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: Lần tiêm chủng tiếp theo và kết quả hoàn thành tiêm chủng, phản ứng bất thường sau khi tiêm chủng, tin nhắn liên quan đến thông tin, v.v. ▪ 개인정보 수집 · 이용 항목: 개인정보(민감정보, 주민등록번호 포함), 전화번호(집/휴대전화) ▪ Hạng mục thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: Thông tin cá nhân (bao gồm thông tin nhạy cảm, số chứng minh thư Hàn), số điện thoại (điện thoại nhà/di động) ▪ 개인정보 보유 및 이용기간: 5년 ▪ Thời gian lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân: 5 năm			
1. 코로나19 예방접종 전에 접종대상자의 예방접종 내역을 <코로나19 예방접종관리시스템>으로 사전 확인하는 것에 동의합니다. 1. Tôi đồng ý việc xác nhận trước thông tin chủng ngừa của người thuộc đối tượng tiêm chủng bằng <Hệ thống quản lý tiêm chủng phòng ngừa COVID-19> trước khi tiêm vắc-xin ngừa COVID-19. * 예방접종 내역의 사전확인에 동의하지 않는 경우, 불필요한 추가접종 또는 교차접종이 발생할 수 있습니다. * Nếu không đồng ý việc xác nhận trước các thông tin tiêm chủng, có thể phát sinh tiêm chủng bổ sung hoặc tiêm chủng chéo không cần thiết.			☐ 예 ☐ 아니오 ☐ Có ☐ Không
2. 코로나19 예방접종의 다음 접종 및 완료 여부에 관한 정보, 코로나19 예방접종 후 이상반응 발생 여부와 관련된 문자 등을 수신하는 것에 동의합니다. 2. Tôi đồng ý nhận thông tin liên quan đến lần tiêm chủng tiếp theo và kết quả hoàn thành chủng ngừa COVID-19, tin nhắn liên quan đến việc có các phản ứng bất thường xảy ra sau khi tiêm chủng COVID-19 hay không, v.v. * 문자 수신에 동의하지 않는 경우, 동의하지 않은 항목에 대한 정보를 수신할 수 없습니다. * Nếu không đồng ý nhận tin nhắn, ông/bà sẽ không nhận được thông tin về các mục không đồng ý.			☐ 예 ☐ 아니오 ☐ Có ☐ Không

[illegible]

의 사 예 진 결 과 (의 사 기 록 란) Kết quả chẩn đoán sơ bộ của bác sĩ (phần bác sĩ điền)			확인 ☑ Xác nhận ☑
체온 : °C Thân nhiệt : °C	예방접종 후 이상반응에 대해 설명하였음 Đã giải thích các phản ứng bất thường sau khi chủng ngừa.		☐ ☐
'이상반응 관찰을 위해 접종 후 15~30분간 예방접종기관에 머물러야 함' 을 설명하였음 Đã giải thích rằng “phải ở lại cơ sở tiêm chủng từ 15 đến 30 phút sau khi tiêm chủng để quan sát các phản ứng bất thường.”			☐ ☐
예진 결과 Kết quả chẩn đoán sơ bộ	☐ 예방접종 가능 ☐ Có thể tiêm chủng		
	☐ 예방접종 연기(사유: _____))		
	☐ Hoàn tiêm chủng (Lí do: _____))		
	☐ 예방접종 금기(사유: _____)) ☐ Cấm tiêm chủng (Lí do: _____))		
이상의 문진 및 진찰을 하였음을 확인합니다. Tôi xác nhận đã tiến hành thăm khám và chẩn đoán trên.		의사성명 : _____ (서명) Họ tên bác sĩ: _____ (Kí tên)	
예 방 접 종 시 행 자 기 록 란 Phần người thực hiện tiêm chủng điền			
제조회사 Công ty sản xuất	백신 제조 번호 Số hiệu sản xuất vắc-xin	접종부위 Vị trí tiêm	
		☐ 좌측 상완 ☐ 우측 상완 ☐ Bắp tay trái ☐ Bắp tay phải	
접종자 성명: _____ Họ tên người tiêm chủng:		(서명) (Kí tên)	